TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1250/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên toà: Không.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 542/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 869, đường NTR, ấp CL, xã NĐ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 09, đường A, ấp LTT, xã TLH, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Phạm Thị L trình bày như sau:

Bà và ông C có tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1996. Đến năm 2002, cả hai có tự nguyện đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 30/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, theo giấy chứng nhận kết hôn số

199, quyển số 01/2002. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, tính tình không hợp. Năm 2018, vợ chồng bà sống ly thân vì cả hai không tìm được tiếng nói chung. Bà nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Lan Th, sinh năm 1997 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động), bà không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 07 tháng 4 năm 2023, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại xã TLH, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L:

Bà L và ông C tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 1996. Đến năm 2002, bà L và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 199, quyển số 01/2002 ngày 30/12/2002 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà L trình bày, vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, thường xuyên gây gỗ nhau, tính tình không hợp. Năm 2018, vợ chồng bà sống ly thân vì cả hai không tìm được tiếng nói chung, không còn quan tâm lẫn nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương

sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn ông C vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện ông C không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời, bà L xác định bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2018. Xét thấy, bà L và ông C không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà L và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Lan Th, sinh năm 1997 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động), bà không có yêu cầu gì về con chung. Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề con chung là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Bà L xác định không có. Về nợ chung: Bà L xác định không có. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Do bị đơn ông C vắng mặt nếu có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Bà L và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Lan Th, sinh năm 1997 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động).

3. Về tài sản chung: Bà L xác định không có. Về nợ chung: Bà L xác định không có. Do ông C vắng mặt, nếu ông C có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017318 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Túy Phượng